



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 02/LALA/2026

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số 1901... ngày 29/7.../2026
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC...
	Phòng... <i>Đ. Tâm</i>
Sao.....	

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT LALA

Địa chỉ: Thôn Phụng Trì, Xã Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0832318666

E-mail: lalahy2022@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0901094719

Số Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn ISO 22000:2018:

24.14226-FMS/TTP

Ngày cấp: 20/12/2024

Nơi cấp: Công ty cổ phần chứng nhận và giám định TTP

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **SNACK XOĂN HƯƠNG RONG BIỂN**
- Thành phần: Bột mì (50%), dầu ăn, nước, đường, muối, bột ngọt, hương liệu tổng hợp: hương rong biển, bột nổi, bột sữa, tinh bột bắp, tinh bột khoai tây, chất điều vị (INS 621, INS 635), chất chống oxy hoá (INS 321), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 951), phẩm màu tổng hợp (INS 102, INS 133).
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD): In trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 18 ± 2 g hoặc theo yêu cầu thực tế sẽ được ghi rõ trên bao bì sản phẩm.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong bao bì kín chất liệu PP/PE, bên ngoài là thùng giấy – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc với thực phẩm của Bộ Y Tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/1/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể:

- Tên sản phẩm: **SNACK XOĂN HƯƠNG RONG BIỂN**
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất, chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT LALA

Địa chỉ: Thôn Phụng Trì, Xã Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0832318666

E-mail: lalahy2022@gmail.com

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: 18 ± 2 g

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm.

6. Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

7. Thành phần: Bột mỳ (50%), dầu ăn, nước, đường, muối, bột ngọt, hương liệu tổng hợp: hương rong biển, bột nổi, bột sữa, tinh bột bắp, tinh bột khoai tây, chất điều vị (INS 621, INS 635), chất chống oxy hoá (INS 321), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 951), phẩm màu tổng hợp (INS 102, INS 133)

8. Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

9. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn liền sau khi mở túi.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

10. Thông tin dinh dưỡng trên 100 g sản phẩm:

THÔNG TIN DINH DƯỠNG			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	533	kcal	27%
Chất đạm	8.13	g	16%
Carbohydrate	52	g	16%
Đường tổng số	13.3	g	
Chất béo	32.5	g	58%
Natri	936	mg	47%
% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).			
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrat không bao gồm xơ: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị; Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg			

*Thành phần dinh dưỡng nằm trong khoảng $\pm 25\%$ so với mức công bố.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị đo	Mức giới hạn
1	Hàm lượng Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	3
4	Hàm lượng Deoxynivalenol	$\mu\text{g/kg}$	750
5	Hàm lượng Zearalenone	$\mu\text{g/kg}$	75

6	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	0.5
---	------------------------	-------	-----

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị đo	Mức giới hạn
1	Hàm lượng Asen	mg/kg	1.0
2	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	0.1
3	Hàm lượng Chì	mg/kg	0.2
4	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	0.05

- Yêu cầu đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị đo	Mức giới hạn
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí,	CFU/g	10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	3
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10
7	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	10 ²

- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Nghị định 37/2026/NĐ-CP Nghị định về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP về luật an toàn thực phẩm;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 22 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thảo Sương